TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 15/6/2023
V/v:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Khoa

2. Ông Bá Đình Tâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:** Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị K, sinh năm 1988

Địa chỉ: số 38/3/2 khu phố N, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: số 38/3/2 khu phố N, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị K trình bày:

Chị với anh Trần Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Hai bên gia đình có tổ chức cưới cho vợ chồng, sau khi cưới vợ chồng sống về nhà cha mẹ anh T tại khu phố N, thị trấn L.

Năm 2011 vợ chồng chị có đến UBND thị trấn L để đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, anh T đánh đập chị, cảm thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa nên chị dẫn các con về nhà cha mẹ tại Nghệ An sống từ đó đến nay.

Hai bên gia đình biết chuyện nhưng không hòa giải cho vợ chồng.

Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay không ai liên lạc với ai, con cái anh T cũng rất ít quan tâm.

Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt nên chị làm đơn ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Phan Văn T1- sinh ngày 30/10/2010, Trần Phan Mỹ T2- sinh ngày 04/12/2012 và Trần Phan Bảo T3- sinh ngày 11/5/2019 hiện các con đang ở với chị nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2 là ở với nên chị tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Phan Thị K xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Hai bên gia đình có tổ chức cưới cho vợ chồng, sau khi cưới vợ chồng sống về nhà cha mẹ anh T tại khu phố N, thị trấn L ở.

Năm 2011 vợ chồng ông có đến UBND thị trấn L để đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không còn hợp nhau thường xuyên cãi vã, chị K dẫn các con về nhà cha mẹ tại Nghệ An sống từ đó đến nay.

Hai bên gia đình biết chuyện nhưng không hòa giải cho vợ chồng.

Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 không ai liên lạc với ai.

Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Phan Thị K.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Phan Văn T1- sinh ngày 30/10/2010, Trần Phan Mỹ T2- sinh ngày 04/12/2012 và Trần Phan Bảo T3- sinh ngày 11/5/2019 hiện các con đang ở với mẹ, đồng ý giao cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án do Tòa án tống đạt nhưng chưa có bản khai gửi Tòa án, anh yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo quy định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Chị Phan Thị K đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Anh Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận T bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị K được ly hôn với anh Trần Văn T

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Phan Văn T1- sinh ngày 30/10/2010, Trần Phan Mỹ T2- sinh ngày 04/12/2012 và Trần Phan Bảo T3- sinh ngày 11/5/2019 cho chị Phan Thị K tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị K và anh T không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị K và anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú: khu phố N, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị K, HĐXX nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa Phan Thị K và anh Trần Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87

ngày 15/7/2011 nên là hôn nhân hợp pháp, chị K có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo trình bày của các đương sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy đời sống hôn nhân của chị K và anh T từ khi xác lập quan hệ vợ chồng thì hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và anh T đánh đập chị K. Cuối năm 2019 vợ chồng tự chấm dứt quan hệ chị K dẫn các con về Nghệ An sinh sống vợ chồng không ai liên lạc với nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt chị K yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K.

HĐXX xét thấy, theo quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Cuộc sống hôn nhân giữa chị K và anh T trong quá trình sống chung có phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh T không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc chị K mà còn có hành vi bạo lực đối với chị K. Anh T đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị K và anh T có 03 con chung là Trần Phan Văn T1- sinh ngày 30/10/2010, Trần Phan Mỹ T2- sinh ngày 04/12/2012 và Trần Phan Bảo T3- sinh ngày 11/5/2019

Từ khi vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 thì chị K trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con chung, chị K đảm bảo các điều kiện để các con phát triển. Nên giao cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi trưởng thành, chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Phan Thị K được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao chị Phan Thị K cho trực tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Trần Phan Văn T1- sinh ngày 30/10/2010, Trần Phan Mỹ T2- sinh ngày

04/12/2012 và Trần Phan Bảo T3- sinh ngày 11/5/2019 đến khi trưởng thành. Chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chị K đã nộp tại biên lai thu số 0002880, ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, Chị Phan Thị K đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Lương Sơn ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thanh Nữ Kiều Oanh